

Kim Shin-ji

Ước gì ta có thời gian

시간이 있었으면 좋겠다

Mai Trang dịch



thời gian nghĩ về những thứ ta đã đánh mất khi đang sống
thời gian ta tận hưởng mỗi ngày
thời gian nuôi dưỡng tâm hồn ta
và thời gian để yêu thương nhiều hơn nữa

về việc yêu thương
những khoảng trống của cuộc sống

아직 쓰지 않은 용기

내 마음대로 쓸 수 있는 하루를 상상해 본다.

아침에 일어나서부터 잠들기까지, 아무도 밟지 않은 눈처럼 새하얗게 비어 있는 시간을. 무얼 하면 좋을까. 원하는 것들 중에 더 원하는 것을 고를 때 우리는 어김없이 설렌다. 하루를 자유롭게 채울 수 있다면 분명 오늘이 시작되는 것을, 내일이 오는 것을 기다렸을 텐데. 삶도 마찬가지로 언제부터 잊고 산 걸까?



‘시간이 있었으면 좋겠다.’

마음에도 방이 있고 책상이 있어서 그 책상 앞에 한 시절의 메모를 붙여두고 산다면, 지난 몇 년간 내 마음의 벽에 붙어 있던 단 한 장의 메모는 이것이었다. 그 무렵 나에게 정말 시간이 없었다. 하루가 24시간으로 이루어진 건 8시간 잠 자고, 8시간 일하고, 8시간은 삶을 누리라는 뜻이라고 농담하던 나는 진작 사라진 지 오래였다.



Dững khí chưa được dùng tới

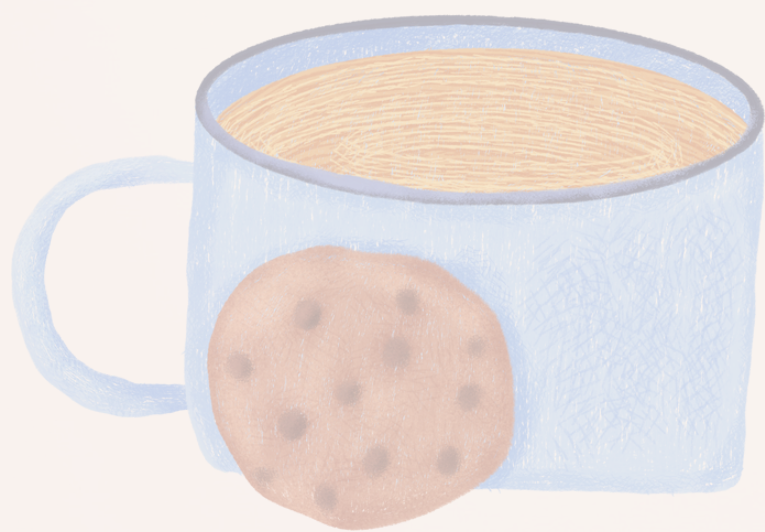
Tôi thử tưởng tượng ra một ngày tôi được thoả thích theo ý mình.

Tưởng tượng khoảng thời gian từ khi thức dậy lúc ban mai cho tới khi chìm vào giấc ngủ, trống trải như những bông tuyết trắng chưa bị ai dẫm đạp lên. Mình làm gì bây giờ nhỉ? Ta luôn rung động khi lựa chọn một thứ mà bản thân muốn làm nhất trong số những điều mong muốn. Nếu có thể tự do lấp đầy một ngày, hẳn tôi sẽ mong chờ tới khi hôm nay bắt đầu, và tới khi ngày mai đến. Tự bao giờ mà tôi đã quên mất rằng cuộc sống thật ra cũng giống vậy mà thôi?

"Ước gì ta có thời gian."

Nếu trong lòng tôi cũng có một căn phòng và một cái bàn, và trước bàn dán một mảnh giấy nhớ có chép một khổ thơ; thì trong mấy năm vừa qua, trên bức tường trong lòng tôi chỉ có duy nhất một mảnh giấy nhớ như vậy. Khi ấy, tôi thực sự không có chút thời giờ nào. Cái con người vẫn hay đùa rằng một ngày có 24 tiếng nghĩa là 8 tiếng để ngủ, 8 tiếng làm việc, 8 tiếng tận hưởng cuộc sống đã biến mất từ lâu rồi.

내 시간을 팔아서 번 돈으로 다시 시간을 사길 반복했다. 돈을 벌어서 결국 내가 하고 싶은 일은 내가 원하는 시간을 보내는 일이었음에도 불구하고. 지금 당장 '중요하다'고 여겨지는 일을 하느라, 정작 내게 소중한 것들을 자꾸 뒤로 밀쳐두어야 했다. 바빠서 나빠지는 사람이 되지 않겠다고 다짐했지만 나는 그때 분명 나빠지고 있었다. 열심히 살수록 내 삶에는 소홀해지고 있었으므로.



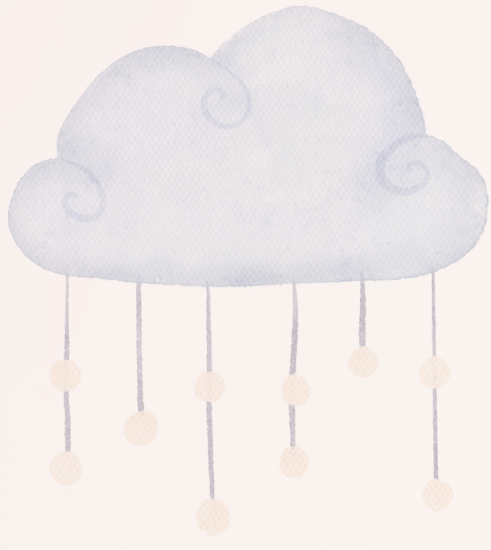
어렸을 땐 방학이 시작될 때마다 뒷마루에 엎드려 누운 채로 생활계획표를 짜곤 했다. 모두에게 주어진 공평한 동그라미. 그 안을 어떻게 나누고 무엇으로 채울지는 전적으로 내게 달려있었다. 그건 내 하루고 내 방학이었으니까. 그렇다고 노는 일로만 채우지도 않았다. 어린 마음에도 어느 정도의 '균형'에 대해 생각했던 것 같다. 이만큼 놀고, 이만큼 공부, 틈틈이 심부름, 다시 이만큼 놀고, 이쯤엔 책 읽기, 이 만화영화는 내가 좋아하는 거니까 놓치지 말고, 잠자리에 드는 건 이때쯤. 별과 달을 그려넣는 것으로 마무리되던, 나의 즐거움을 챙기는 것과 생활을 돌보는 적당한 의무를 잊지 않던 시간표. 이 하루가 내 것이라는 사실을 조금도 의심하지 않았던 시절.



Tôi cứ lặp đi lặp lại cảnh bán thời gian để kiếm tiền, rồi lại dùng tiền đó để mua lại thời gian; dẫu rằng việc tôi muốn làm với số tiền kiếm được cuối cùng cũng chỉ là dùng thời gian theo ý mình. Để làm những việc tôi cho là "quan trọng" ngay bây giờ, tôi đã phải gạt bỏ những thứ thực sự quý giá với mình về phía sau. Tôi đã tự nhủ sẽ không trở thành một con người bận rộn đến mức đâm ra bạc bẽo, nhưng khi ấy, rõ ràng tôi đã tệ bạc đi rồi. Bởi lẽ tôi càng sống chăm chỉ, tôi lại càng trở nên hời hợt với cuộc đời của chính mình.

Khi còn bé, mỗi khi tới kì nghỉ hè, tôi thường năm sắp trên hiên nhà* và lên thời gian biểu sinh hoạt cho mình. Một vòng tròn công bằng chia cho tất cả. Trong vòng tròn đó, phân chia thời gian thế nào, lấp đầy bằng những công việc gì, tất cả đều phụ thuộc vào tôi. Vì đó là một ngày của tôi, là kì nghỉ của tôi. Thế nhưng, tôi cũng không dành cả ngày chỉ để chơi bời. Dù là tâm hồn con trẻ, tôi cũng đã có ý niệm về "sự cân bằng" ở một mức độ nào đấy. Chơi từng này, học từng này, thi thoảng làm mấy việc vặt, rồi lại chơi từng này, đến giờ này thì đọc sách, không được quên bộ phim hoạt hình yêu thích kia, và tầm này trèo lên giường là vừa. Tôi thường hoàn thành thời gian biểu ấy bằng cách vẽ trắng vẽ sao, một

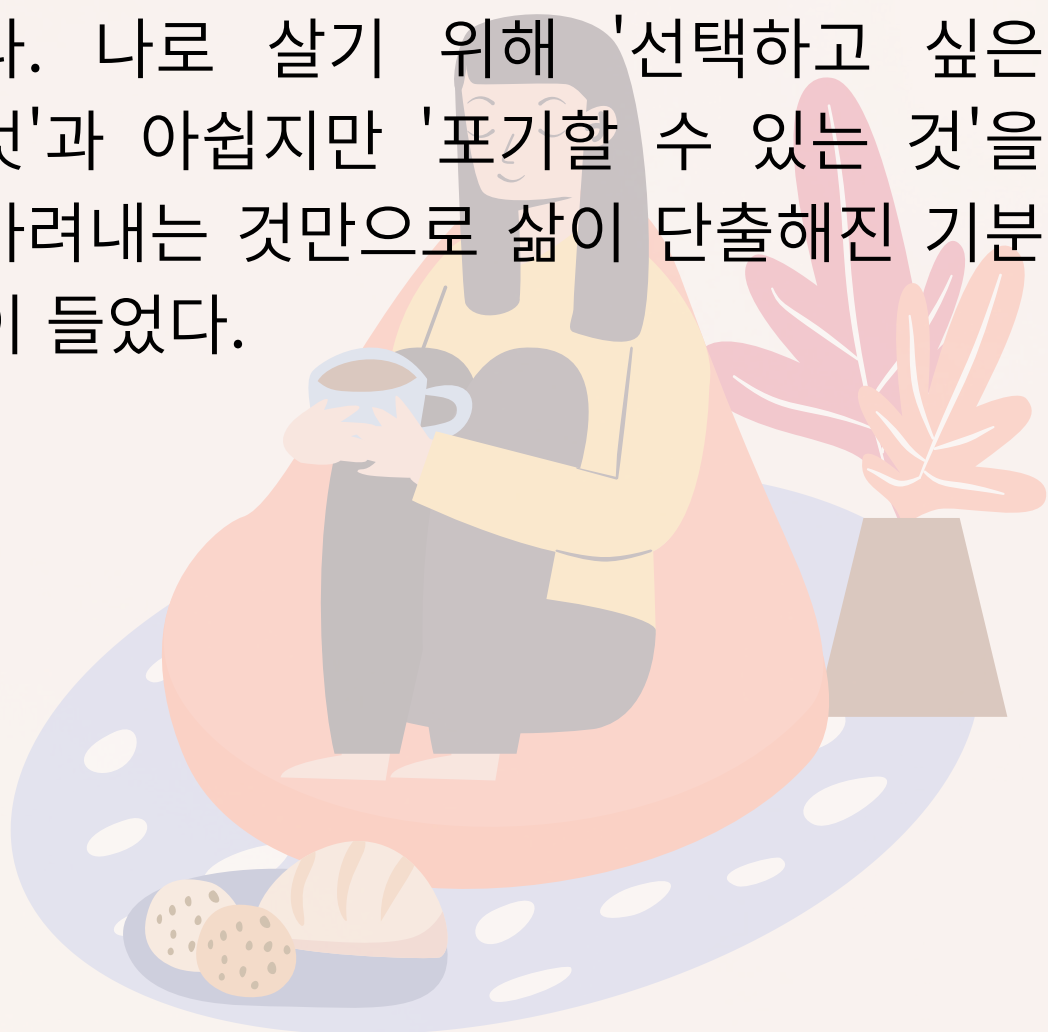
*sàn gỗ ngoài trời, được nâng cao hơn khỏi mặt đất và có mái che, được xây dựng ngay bên ngoài phòng chính trong các ngôi nhà truyền thống của Hàn Quốc



그때처럼 시간의 주인이 나란 걸 잊지 않고 살려면 무엇을 해야 할까? 내 곁에 분명 있지만 사라져버린 듯 느껴지는 시간을 되찾아야 했다.

이 책에는 그렇게 '내 시간'을 되찾은 이후의 얘기를 담았다. 내 시간은 다름 아닌 스스로 원해서 선택한 것들로 채우는 시간이었다.

시간을 어떻게 쓸 것인가 하는 건, 어떻게 살 것인가 하는 물음과 다르지 않았다. 우선순위를 생각할 수밖에 없는 질문이니까. '이렇게 좀 더 살아보고 싶다' 하는 시간을 늘리려면 다른 것을 할 시간을 줄여야 한다. 선택은 동시에 포기다. 나로 살기 위해 '선택하고 싶은 것'과 아쉽지만 '포기할 수 있는 것'을 가려내는 것만으로 삶이 단출해진 기분이 들었다.



시간이 흐르다 보면 가끔씩은 과거를 되돌아보고 싶은 마음이 들 때가 있다. 그때는 왜 그랬을까, 그때는 왜 그랬을까. 하지만 그때는 그때였고, 지금은 지금이다. 시간은 흘러가고, 우리는 그 흐름 속에서 살아가고 있다. 때로는 그 흐름이 너무 빠르거나 느릴 때가 있다. 그럴 때는 잠시 멈춰서, 시간을 되찾아볼 필요가 있다.

시간이 흐르다 보면 가끔씩은 과거를 되돌아보고 싶은 마음이 들 때가 있다. 그때는 왜 그랬을까, 그때는 왜 그랬을까. 하지만 그때는 그때였고, 지금은 지금이다. 시간은 흘러가고, 우리는 그 흐름 속에서 살아가고 있다. 때로는 그 흐름이 너무 빠르거나 느릴 때가 있다. 그럴 때는 잠시 멈춰서, 시간을 되찾아볼 필요가 있다.

Trong cuốn sách này, tôi sẽ kể lại những câu chuyện sau khi tôi tìm lại được "thời gian của tôi". Thời gian ấy, không phải là gì khác, chính là thời gian được lấp đầy bởi những điều bản thân lựa chọn theo ước mong của mình.

Ta nên sử dụng thời gian như thế nào là một câu hỏi không khác gì với ta nên sống như thế nào. Bởi lẽ đây là một khúc mắc buộc ta phải suy tính tới thứ tự ưu tiên. Nếu muốn có thêm những khoảnh khắc "tôi muốn sống như thế này thêm một chút", ta sẽ phải cắt giảm thời gian làm những việc khác. Chọn lựa đồng nghĩa với từ bỏ. Chỉ riêng việc phân định ra những "điều muốn chọn" để sống là chính mình và những "điều có thể từ bỏ", dù có phần tiếc nuối, cũng đã khiến cuộc sống của tôi trở nên đơn giản hơn.

시간을 선택한 삶은 나를 천천히 바꾸어 놓았다. 오랫동안 '나의 문제'로 여긴 것들이 시간의 너른 바다에 녹아 사라져갔다. 회사 일 대신 글 쓰는 일에 마음을 쏟고, 중요한 것보다 소중한 것을 먼저 챙기게 되면서 비로소 이 하루가, 이 삶이 온전히 내 것이 되었다는 안도를 느낄 수 있었다. 바쁘다는 이유로 늘 '나중'으로 밀어두었던 가족에게, 사는 법을 알려주는 애뜻한 타인들에게 말을 걸고 곁에 머물 수 있게 되었다.



안으로 깊어진 뒤에 밖으로 열리는 마음이 있었다.

삶의 여백에 앉아서만 볼 수 있는 풍경도 있었다.

이 책에 실린 글들은 그런 시간 없이는 결코 쓸 수 없었을 글이다

시간을 갖는 것만으로 우리가 나아질 수 있다는 것은 분명 희망이다. 그러니 오늘 하루도 바빠 살다가 나를 놓쳐버린 기분이 드는, 내 삶인데 어째서 나 하나를 행복하게 해주기가 이리도 힘든가 상심하는 누군가가 있다면 여러 번 접은 쪽지처럼 이 말을 건네고 싶다.

Cuộc sống mà ở đó, tôi lựa chọn thời gian đã dần dần thay đổi tôi. Những điều mà bao lâu nay tôi vẫn cho là “vấn đề của tôi” đã tan biến vào đại dương rộng lớn của thời gian. Thay vì việc công ty, tôi dành tâm sức cho việc viết lách; so với những việc quan trọng, tôi chăm lo những điều quý giá của mình trước; tôi cuối cùng cũng đã cảm nhận được sự an yên rằng: ngày hôm nay, cuộc sống này đã thuộc về tôi một cách toàn vẹn. Tôi cũng đã có thể dừng chân lại bên cạnh và trò chuyện với gia đình – những người tôi đã luôn để tới “sau này” vì bận bịu, cũng như những người thân quen đã chỉ cho tôi cách để sống.

Có một trái tim đã mở rộng ra bên ngoài sau khi đào sâu vào bên trong.

Cũng có những cảnh sắc mà ta chỉ có thể thấy khi ngồi lại trong khoảng trống của cuộc sống.

Những lời được viết trong cuốn sách này là những lời tuyệt đối đã không được viết ra nếu không có những khoảng thời gian như vậy.

Việc ta có thể trở nên tốt đẹp hơn chỉ bằng cách có thời gian chắc chắn là một hi vọng. Vậy nên, nếu như có ai đó đang nhọc lòng rằng ta sống bận bịu suốt ngày hôm nay để rồi lại cảm thấy như đã bỏ lỡ chính mình, rằng cuộc sống là của ta nhưng tại sao làm cho bản



우리에게 아직 쓰지 않은 용기가 있다고.

다른 삶을 선택할 수 있는 자유 또한 있다고.

지금 힘든 시간을 보내고 있다 해도, 언젠가 내가 나에게 더 나은 시간을 줄 수 있다고.

어쩌면 '해야 한다'고 여기는 일들에 쫓기느라, 내가 무엇을 할 수 있고 어떻게 살 수 있는 사람인지 너무 오래 잊고 지낸 건 아닐까..

이 세상에서 나밖에 할 수 없는 일이 있다면 그건 다른 무엇이 아니라 한 번뿐인 이 삶을 조금 더 기쁘게 사는 일일 것이다.

책장을 덮는 순간 새롭게 살아볼 용기가 생기는 글을 쓰고 싶었다. 아직 오지 않은 시간을 기대하며 다이어리 여백에 '조금 더 잘 살아보고 싶어진' 바로 그 마음에 대해 적어 내려갈 때, 우리는 얼마나 우리 자신이 되는지. 언제까지라도 그런 얘기를 나누기 위해 우리가 마주앉으면 좋겠다.



thân vui vẻ lại khó khăn đến nhường vậy; thì tôi muốn gửi tới họ những lời này, giống như tờ giấy được gấp lại nhiều lần:

Rằng với chúng ta, vẫn có dũng khí chưa được dùng tới.

Rằng ta có quyền tự do lựa chọn một cuộc đời khác.

Rằng cho dù ta đang phải trải qua quãng thời gian khó khăn, bất cứ lúc nào, ta cũng có thể dành cho mình những giờ phút tốt đẹp hơn.

Biết đâu được, có khi vì bị những việc ta cho rằng “phải làm” rượt đuổi, ta đã quên bằng đi từ lâu, rằng ta là một người có thể làm được những gì và có thể sống một đời ra sao.

Trên thế gian này, nếu có việc gì không ai có thể làm được ngoài ta, thì việc đấy không gì khác ngoài việc sống cái cuộc đời chỉ có một lần này theo cách hân hoan hơn chút nữa.

Tôi đã muốn viết ra những dòng chữ mà vào giây phút khép lại trang sách, một dũng khí sống mới được sinh ra. Vào lúc ta viết về chính cái tâm trạng “muốn sống tốt hơn một chút” vào khoảng trống trong nhật kí, mong đợi những khoảng thời gian chưa đến, ta đã trở thành chính ta biết nhường nào. Mong rằng tới một lúc

자주 헤매지만 나를 결국 낙관 쪽으로 다가서게 하는 이 마음이 어디서 오는지 이제는 안다. '삶이라는 시간'을 쓸 수 있게 해주신, 이미 오래전에 내게 필요한 용기와 사랑을 내 안에 다 심어주신 두 분께 감사를 전한다.

nào đó, ta có thể ngồi lại với nhau để cùng sẻ chia những câu chuyện như vậy.

Dù vẫn thường lạc lối, tôi giờ đây đã hiểu rằng, cảm giác khiến tôi cuối cùng vẫn luôn tìm tới phần lạc quan đến từ đâu. Xin gửi lời cảm ơn tới hai người – những người, từ rất lâu, đã gieo vào lòng tôi dũng khí và tình yêu mà tôi cần, để tôi có thể viết nên “khoảng thời gian mang tên cuộc sống”.

한 해가 시작되는 첫 달에, 김신지

Kim Shin-ji, vào tháng đầu tiên của năm mới



Đây là bản dịch mẫu được thực hiện nhằm mục đích tham khảo, không phải bản dịch chính thức.